TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **265/**2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27-8-2021
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vương Minh Tân.
2. Bà Lý Thuý Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Kim Tuyến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2021/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2021, về *Tranh chấp hôn nhân và gia đình* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **HẦU THỊ HẢI V**, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Tổ dân phố 09, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Anh **NGUYỄN CAO C**, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Thôn 04, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

(chị V và anh C đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; Biên bản tự khai có lưu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị HẦU THỊ HẢI V trình bày: Tôi và anh NGUYỄN CAO C được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vào ngày 27 tháng 9 năm 2006; hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến khoảng năm 2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày mâu thuẫn căng thẳng không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc, nên vợ chồng sống ly thân đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế.

Tôi xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra căng thẳng kéo dài, thực tế tôi và anh C sống ly thân từ năm 2016 đến nay, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh NGUYỄN CAO C theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Tôi và anh NGUYỄN CAO C có 01 người con chung là cháu Nguyễn Hầu Khánh L, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2006. Khi ly hôn tôi nhận được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hầu Khánh L và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi.

Về tài sản chung: Tôi và anh NGUYỄN CAO C không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Tôi và anh NGUYỄN CAO C không có, nên không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

Bị đơn anh NGUYỄN CAO C trình bày tại Biên bản tự khai có lưu trong hồ sơ vụ án: Tôi và chị HẦU THỊ HẢI V được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vào ngày 27 tháng 9 năm 2006. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống. Nay chị HẦU THỊ HẢI V xin ly hôn thì tôi nhất trí ly hôn với chị V, đề nghị Toà án giải quyết.

Về con chung: Tôi và chị HẦU THỊ HẢI V có 01 người con chung là cháu Nguyễn Hầu Khánh L, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2006. Khi ly hôn tôi nhất trí giao cháu Nguyễn Hầu Khánh L cho chị V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V.

Về tài sản chung: Tôi và chị HẦU THỊ HẢI V không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Tôi và chị HẦU THỊ HẢI V không có, nên không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

Ý kiến của cháu Nguyễn Hầu Khánh L, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2006 là con chung của chị HẦU THỊ HẢI V và anh NGUYỄN CAO C trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được ở trực tiếp với mẹ là HẦU THỊ HẢI V.

Quá trình giải quyết vụ án, về chứng cứ chị V cung cấp cho Tòa án:

- 01 (Một) Trích lục kết hôn số 171/TLKH-BS, ngày 01/7/2020 của Uỷ ban nhân dân Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, cấp mang tên vợ HẦU THỊ HẢI V và mang tên chồng NGUYỄN CAO C.

- 01 (Một) Biên bản thoả thuận việc lựa chọn Toà án giải quyết vụ án ly hôn mang tên HẦU THỊ HẢI V và NGUYỄN CAO C, đề ngày 26/4/2021.

- 01 (Một) bản sao có chứng thực Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Hầu Khánh L, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2006.

- 02 (Một) bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên HẦU THỊ HẢI V và mang tên NGUYỄN CAO C.

- 02 (Hai) bản sao Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Lê Thị Thắng và NGUYỄN CAO C.

Anh NGUYỄN CAO C không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tòa án nhân dân thành phố T xác minh tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở của chị HẦU THỊ HẢI V được biết: Chị HẦU THỊ HẢI V và anh NGUYỄN CAO C là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn chị V về chung sống với anh C ở tỉnh Quảng Ninh. Đến tháng 8/2019 chị V về sinh sống và đăng ký thường trú tại tổ dân phố 09, phường T, thành phố T. Anh C sinh sống ở tỉnh Quảng Ninh là chủ yếu. Chị V xin ly hôn với anh C địa phương đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo pháp luật. Về con chung chị V và anh C có 01 người con chung là cháu Nguyễn Hầu Khánh L, sinh

ngày 17 tháng 12 năm 2006, hiện đang ở với chị V. Về tài sản chung, vay nợ chung chị V và anh C không có.

Quá trình giải quyết vụ án, do chị V và anh C đều có đơn đề nghị Toà án giải quyết và xét xử vắng mặt, nên không hòa giải cho chị V và anh C theo quy định của pháp luật được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, thụ lý và giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc *Tranh chấp hôn nhân và gia đình* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự, và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định; ý thức chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 207, 228; khoản 1 Điều 235; Điều 238, 266, 267, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị HẦU THỊ HẢI V được ly hôn với anh NGUYỄN CAO C.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hầu Khánh L, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2006 cho chị HẦU THỊ HẢI V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh NGUYỄN CAO C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị HẦU THỊ HẢI V và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung không có, nên không xem xét giải quyết.

- Chị HẦU THỊ HẢI V phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh NGUYỄN CAO C không phải chịu tiền án phí.

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị HẦU THỊ HẢI V và anh NGUYỄN CAO C được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Về tình cảm vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng mâu thuẫn căng thẳng không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc, nên chị V có đơn xin ly hôn với anh C. Căn cứ vào đơn khởi kiện; Đơn thoả thuận lựa chọn Toà án thụ lý giải quyết vụ án ly

hôn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị V và anh C có mâu thuẫn căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 8 năm 2019 đến nay, nên chấp nhận toàn bộ đơn và yêu cầu của chị HẦU THỊ HẢI V là được ly hôn với anh NGUYỄN CAO C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị V và anh C có 01 người con là cháu Nguyễn Hầu Khánh L, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2006. Xét thấy cháu Nguyễn Hầu Khánh L tính đến ngày xét xử sơ thẩm là người chưa đủ 18 tuổi, nên cần phải có người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và nguyện vọng của cháu Nguyễn Hầu Khánh L là được ở trực tiếp với mẹ là HẦU THỊ HẢI V khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, giao cháu Nguyễn Hầu Khánh L cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị V tự nguyện không yêu cầu anh C đóng góp phí tổn nuôi con chung, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là có căn cứ theo Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế.

[4] Về tài sản chung chị V và anh C đều xác định không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung chị V và anh C đều xác định không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị V phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Anh C không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

[7] Chị V và anh C đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 207, 228; khoản 1 Điều 235; Điều 238, 266, 267, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án.

*** Tuyên xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị HẦU THỊ HẢI V được ly hôn với anh NGUYỄN CAO C.

2. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Hầu Khánh L, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2006 cho chị HẦU THỊ HẢI V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh NGUYỄN CAO C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị HẦU THỊ HẢI V và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: - Chị HẦU THỊ HẢI V phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân

sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001057 ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chị HẦU THỊ HẢI V đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh NGUYỄN CAO C không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị HẦU THỊ HẢI V và anh NGUYỄN CAO C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND P. Tân Quang;
- UBND xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Tuấn